

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/6/2024

*V/v Tranh chấp về hôn nhân gia
đình và nuôi con chung*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình và bà Phạm Thị Tuyết Nhung

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên
tòa:*** Bà Kiều Hồng Nhung – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024 tại Hội trường B - Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 241/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2024 về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà H, sinh năm: 1997; Địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ liên lạc: 469/4 đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị đơn:** Ông Phạm Minh T, sinh năm: 1996; Địa chỉ: 82/9 đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà H T và ông Phạm Minh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 07 tháng 8 năm 2017. Quá trình chung sống, vợ chồng bà H hạnh phúc được khoảng 2 năm thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Nguyên nhân mâu thuẫn do chồng bà H thường xuyên tụ tập ăn chơi, sử dụng chất kích thích, không lo làm ăn. Nay bà H nhận thấy mâu thuẫn vợ

chồng kéo dài, cả hai đều không còn tình cảm và đã sống ly thân, vì vậy bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Phạm Minh T.

Về con chung: Bà H và ông Phạm Minh T có 01 con chung là cháu Phạm Anh K, sinh ngày 14/9/2017. Hiện nay cháu đang sống cùng bà H, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Phạm Minh T không có tài sản chung và nợ chung nên bà H không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng ông Phạm Minh T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H là có cơ sở vì vậy đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho bà H được ly hôn với ông Phạm Minh T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Anh K, sinh ngày 14/9/2017 cho bà H nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông Phạm Minh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Phạm Minh T không có tài sản chung và nợ chung nên không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện của bà H, Tòa án nhân dân thành phố B xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông Phạm Minh T đều vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt ông T.

[3] *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào lời trình bày của bà H và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Phạm Minh T tự nguyện lấy nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 07 tháng 8 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Phạm Minh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Về tình trạng hôn nhân của bà H và ông T thì bà H cho rằng trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng bà ông T thường xuyên tụ tập ăn chơi, sử dụng chất kích thích, không lo làm ăn, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được và do mâu thuẫn quá lớn nên bà H và ông T đã sống ly thân nhau nên nguyện vọng của bà được ly hôn với ông T.

Tại Biên bản xác minh ở chính quyền địa phương thì được cung cấp nội dung như sau: Vợ chồng bà H và ông Phạm Minh T có sinh sống tại t12, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, quá trình chung sống ông T và bà H phát sinh mâu thuẫn do ông T nghiện chất kích thích, thường xuyên đánh vợ, không chăm lo kinh tế gia đình. Do mâu thuẫn trầm trọng nên cả hai vợ chồng đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà H và ông T xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà H xin ly hôn ông T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

Về con chung: Bà H và ông Phạm Minh T có 01 con chung cháu Phạm Anh K, sinh ngày 14/9/2017. Về con chung bà H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu K đến tuổi trưởng thành, quá trình giải quyết vụ án ông T đều vắng mặt và cũng không có ý kiến và nguyện vọng về việc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy cháu Phạm Anh K còn nhỏ cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ và xét nguyện vọng của bà H và các điều kiện nuôi dưỡng con chung nên xét thấy cần giao con chung là cháu Phạm Anh K, sinh ngày 14/9/2017 cho bà H nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra để xem xét.

[4] *Về án phí:* Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H. Bà H được ly hôn với ông Phạm Minh T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Anh K, sinh ngày 14/9/2017 cho bà H nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Phạm Minh T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông Phạm Minh T cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Phạm Minh T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết vì vậy HĐXX không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2023/0009551 ngày 06/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THATAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

